

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI: “Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường Nhật Bản trong tháng 6/2024”

THUỘC NHIỆM VỤ
“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai hiệp định CPTPP năm 2024”

Hà Nội, 2024

Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường Nhật Bản trong tháng 6/2024

Những tháng đầu năm 2024, nền kinh tế Nhật Bản nhìn chung hồi phục với tốc độ vừa phải, tuy nhiên nhu cầu trong nước chưa đủ mạnh do giá hàng hóa ngày càng tăng cao đã gây sức ép lên các hộ gia đình. Yếu tố tiêu dùng cá nhân tăng trưởng thấp so với kỳ vọng đang đè nặng lên kinh tế Nhật Bản. Chính phủ Nhật Bản dự báo tăng trưởng kinh tế của nước này trong tài khóa 2024 (đến hết tháng 3/2025) có thể đạt 0,9%, giảm so mức 1,3% ước tính ban đầu, do lạm phát ảnh hưởng đến tiêu dùng tư nhân. Việc giảm dự báo tăng trưởng GDP cho thấy những thách thức mà nền kinh tế Nhật Bản phải đối mặt trong việc bảo đảm tăng trưởng ổn định, tại thời điểm lạm phát đang ảnh hưởng đến nhu cầu trong nước.

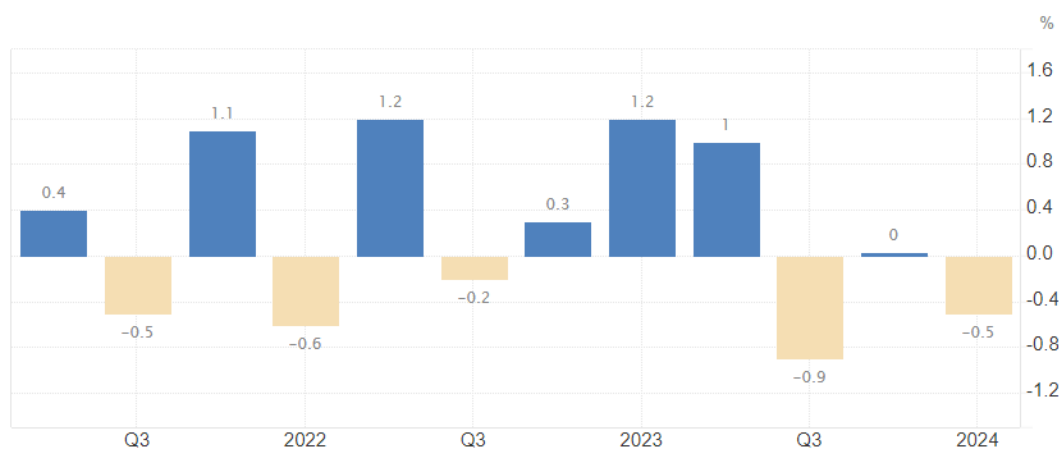
Bên cạnh đó, tăng trưởng tiền lương vẫn chưa theo kịp lạm phát, với việc đồng yen giảm mạnh làm tăng chi phí nhập khẩu, kéo theo việc kêu gọi chính phủ giảm bớt gánh nặng chi tiêu cho các hộ gia đình. Một số chỉ tiêu kinh tế, thương mại của thị trường Nhật Bản như sau:

- Tăng trưởng GDP:

Theo số liệu thống kê từ Tradingeconomics, GDP của Nhật Bản giảm 0,5% theo quý trong quý 1 năm 2024. Điều đó cho thấy nền kinh tế Nhật Bản đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Kiềng 3 chân của nền kinh tế Nhật Bản bao gồm tiêu dùng, đầu tư và xuất khẩu đều sụt giảm đáng kể so với quý trước đó. Có thể kể đến những nguyên nhân lớn như việc công ty Daihatsu Motor Co. thuộc tập đoàn sản xuất ô tô Toyota tạm ngừng xuất khẩu sau bê bối gian lận kiểm tra an toàn xe. Ngoài ra, mảng chi tiêu tiêu dùng cá nhân, vốn chiếm tới hơn một nửa nền kinh tế Nhật Bản, cũng giảm mạnh hơn dự báo do sức mua của người tiêu dùng Nhật Bản kém đi và lạm phát tăng cao. Đây là quý thứ tư liên tiếp tiêu dùng cá nhân ở Nhật Bản giảm và là chuỗi giảm dài nhất trong 15 năm qua, cho thấy nhu cầu trong nước đang suy yếu.

Biểu đồ: Tốc độ tăng trưởng DP của Nhật Bản

(ĐVT: %)



Nguồn: Trading Economics

- Tỷ lệ thất nghiệp:

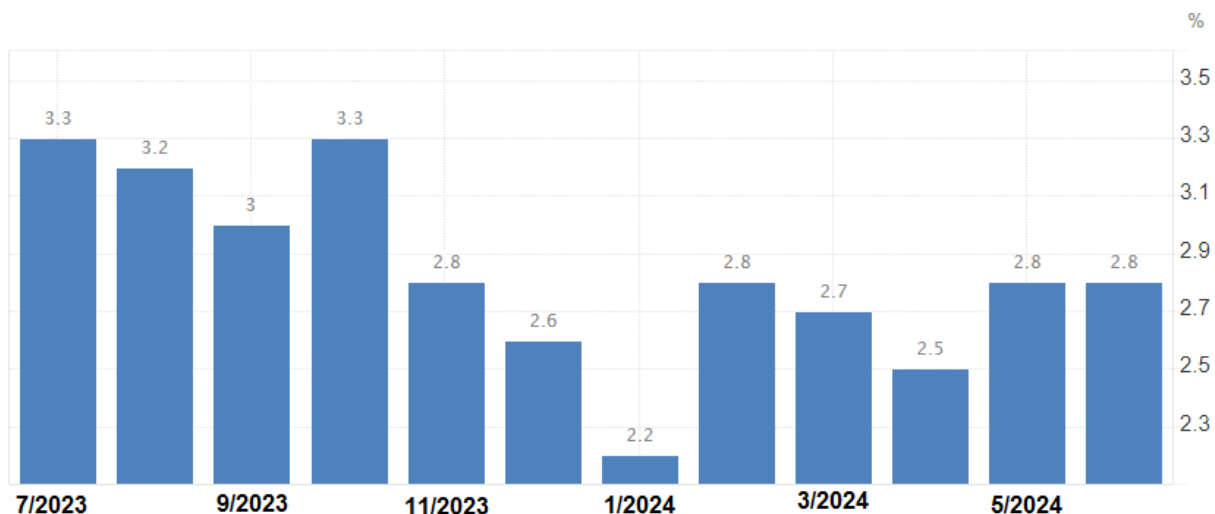
Tỷ lệ thất nghiệp của Nhật Bản ở mức 2,6% vào tháng 5 năm 2024, giữ nguyên trong tháng thứ tư liên tiếp và phù hợp với dự báo của thị trường. Đây vẫn là tỷ lệ thất nghiệp cao nhất kể từ tháng 9 năm 2023, khi số người thất nghiệp giảm nhẹ 10 nghìn xuống còn 1,82 triệu trong khi việc làm tăng thêm 10 nghìn lên mức cao nhất trong ba tháng là 67,61 triệu. Lực lượng lao động tăng 10 nghìn lên 69,44 triệu và những người tách khỏi lực lượng lao động giảm 150 nghìn xuống còn 40,44 triệu.

- Lạm phát

Tỷ lệ lạm phát hàng năm tại Nhật Bản ở mức 2,8% vào tháng 6 năm 2024, giữ nguyên trong tháng thứ hai liên tiếp trong khi vẫn ở mức cao nhất kể từ tháng 2. Giá điện vẫn ở mức cao (13,4% so với 14,7% vào tháng 5) trong khi giá khí đốt tăng lần đầu tiên sau 13 tháng (2,4% so với -2,5%) sau khi trợ cấp năng lượng kết thúc hoàn toàn vào tháng 5. Đồng thời, giá cả tiếp tục tăng đối với thực phẩm (3,6% so với 4,1%), nhà ở (0,6% so với 0,6%), giao thông (2,5% so với 2,3%), đồ nội thất và đồ dùng gia đình (3,7% so với 2,9%), quần áo (2,2% so với 2,2%), chăm

sức sức khỏe (1,4% so với 1,1%), văn hóa (5,6% so với 5,2%), truyền thông (1,3% so với 0,4%) và hỗn hợp (1,1% so với 1,2%).

Biểu đồ: Lạm phát Nhật Bản trong giai đoạn 2023 - 2024 (ĐVT: %)



Tình hình thương mại của thị trường

- Về xuất khẩu

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), trong tháng 5/2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Nhật Bản đến thế giới đạt 53,08 tỷ USD, giảm 9,13% so với tháng 4/2023. Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hàng hóa của Nhật Bản đến thế giới đạt 280,14 tỷ USD, giảm 3,15% so với cùng kỳ năm 2023.

- Về nhập khẩu

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), trong tháng 5/2024, nhập khẩu hàng hóa của Nhật Bản từ thế giới đạt 60,91 tỷ USD, giảm 0,94% so với tháng trước đó và giảm 3,8% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 5 tháng đầu năm, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Nhật Bản từ thế giới đạt 303,15 tỷ USD, giảm 11,39% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với thị trường Nhật Bản

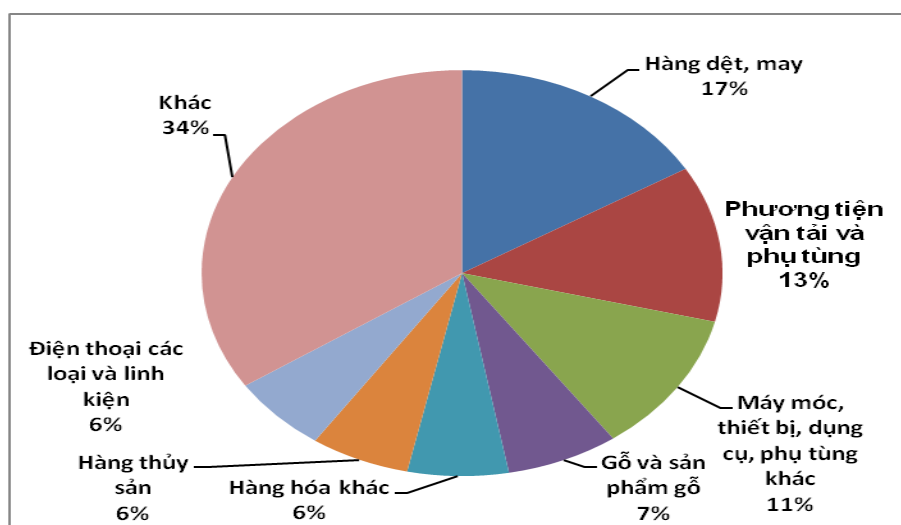
- Về xuất khẩu

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Nhật Bản trong tháng 6/2024 đạt 1,91 tỷ USD, tăng 3,24% so với tháng trước nhưng giảm 2,05% so với cùng tháng năm trước. Tính chung trong 6 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Nhật Bản đạt 11,41 tỷ USD, tăng 3,18% so với 6 tháng năm 2023.

Dẫn đầu về các mặt hàng xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2023 là mặt hàng dệt may với kim ngạch đạt 1,87 tỷ USD, tăng 7,04% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 16,43% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nước ta sang Nhật Bản. Tiếp theo là mặt hàng Phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 1,42 tỷ USD, tăng 3,14% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 18,07% tổng kim ngạch xuất khẩu. Mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn thứ ba là Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt 1,28 tỷ USD, giảm 2,96% so với 6 tháng năm 2023, chiếm 11,29% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nước ta sang Nhật Bản.

Biểu đồ: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang Nhật Bản trong 6 tháng đầu năm 2024

(% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng cao trong 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 là mặt hàng Phân bón; Cà phê; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện... tăng lần lượt là 381,77%, 48,16%, 33,54%...Nhưng ngoài mặt hàng Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm tỷ trọng 5,89% trong cơ cấu chủng loại chung thì các mặt hàng được liệt kê ở trên đều chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam sang Nhật Bản.

Trong khi đó, mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm trong 5 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 là Sắt và các sản phẩm từ sắt (giảm 74,55%); than các loại (giảm 53,31%); nguyên phụ liệu dệt may, da, giày (giảm 16,87%)...

Bảng: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Nhật Bản trong 6 tháng đầu năm 2024

(ĐVT: USD/%)

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 6/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 5/2024 (%)	So với Tháng 6/2023 (%)	6 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 6 Tháng 2024 (%)
Tổng	1910,68	3,24	-2,05	11414,13	3,18	100
Hàng dệt, may	320,26	16,11	-2,24	1874,988	7,04	16,43
Phương tiện vận tải và phụ tùng	240,30	2,73	-5,92	1417,43	3,14	12,42
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	208,02	2,45	-7,87	1288,222	-2,96	11,29
Gỗ và sản phẩm gỗ	119,66	-6,97	-11,35	796,7996	-1,97	6,98
Hàng hóa khác	119,25	3,31	3,25	717,3225	5,68	6,28
Hàng thủy sản	124,25	-3,85	-6,04	704,1599	-1,17	6,17
Điện thoại các loại và linh kiện	94,45	-0,16	10,44	696,4901	7,2	6,10
Máy vi tính, sản phẩm điện	121,67	7,18	43,23	672,3832	33,54	5,89

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 6/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 5/2024 (%)	So với Tháng 6/2023 (%)	6 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 6 Tháng 2024 (%)
tử và linh kiện						
Giày dép các loại	86,69	-3,26	-15,09	514,1127	-4,92	4,50
Sản phẩm từ chất dẻo	59,00	-4,69	5,4	356,3524	5,07	3,12
Sản phẩm từ sắt thép	54,90	4,89	11,09	297,2672	0,42	2,60
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	63,23	38,16	37,12	273,6425	-3,36	2,40
Cà phê	26,35	-11,36	-19,23	238,8431	48,16	2,09
Hóa chất	31,88	8,22	-0,68	182,3295	-10,23	1,60
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	29,76	21,48	-18,07	169,4761	-7,4	1,48
Kim loại thường khác và sản phẩm	27,47	-10,82	-2,44	167,4525	-2,22	1,47
Dây điện và dây cáp điện	27,11	2,16	-18,17	156,9167	-23,56	1,37
Hàng rau quả	19,00	12,28	19,04	98,9869	13,38	0,87
Sản phẩm từ cao su	12,77	-6,41	-13,25	82,20343	-6,17	0,72
Chất dẻo nguyên liệu	17,06	98,92	72,31	73,87581	15,61	0,65
Sản phẩm hóa chất	11,67	11,08	20,2	65,25522	3,17	0,57
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	10,61	-2,67	-16,5	64,98368	-16,87	0,57
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	9,46	-10,82	7,72	56,95802	13,98	0,50
Sắt thép các	7,05	-5,62	-21,76	47,21633	0,17	0,41

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 6/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 5/2024 (%)	So với Tháng 6/2023 (%)	6 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 6 Tháng 2024 (%)
loại						
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	9,45	21,25	33,62	47,0934	30,46	0,41
Xơ, sợi dệt các loại	7,32	1,47	-15,3	46,61031	-4,59	0,41
Sản phẩm gốm, sứ	7,34	0,74	-8,09	44,84007	-9,63	0,39
Giấy và các sản phẩm từ giấy	5,54	-8,37	-9,11	34,61691	-0,26	0,30
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	4,92	-11,19	-14,2	33,46729	-3,52	0,29
Hạt điều	4,95	-1,77	-21,97	28,35547	-6,77	0,25
Dầu thô	0,00	-100		28,09971	22,45	0,25
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	4,69	29,61	-9,79	26,61367	-0,82	0,23
Vải màn, vải kỹ thuật khác	4,54	-2,25	58,22	26,2329	15,14	0,23
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	3,96	-13,17	-16,21	20,21323	71,24	0,18
Than các loại	7,84	19741,83	-74,36	15,74158	-53,31	0,14
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	2,12	-20,9	4,59	13,69063	15,53	0,12
Quặng và khoáng sản khác	2,94	170,44	24,16	11,49726	8,06	0,10
Hạt tiêu	1,24	-31,26	39,09	7,849823	20,39	0,07
Phân bón các loại	0,39	-35,82	91,2	7,657534	381,77	0,07
Cao su	1,54	33,39	20,82	7,570784	16,23	0,07

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 6/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 5/2024 (%)	So với Tháng 6/2023 (%)	6 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 6 Tháng 2024 (%)
Sẵn và các sản phẩm từ sẵn	0,04	-3,57		0,312835	-74,55	0,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

- Về nhập khẩu

Theo thống kê của Tổng cục Hải Quan Việt Nam, tháng 6/2023, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Nhật Bản đạt 1,69 tỷ USD, tăng 4,7% so với tháng trước nhưng giảm 8,61% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của nước ta từ thị trường Nhật Bản đạt 10,57 tỷ USD, tăng 3,62% so với cùng kỳ năm trước.

Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là mặt hàng có giá trị nhập khẩu lớn nhất trong 6 tháng đầu năm 2024, với kim ngạch đạt 3,62 tỷ USD, tăng 14,41% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 34,22% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của nước ta từ Nhật Bản.

Mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu xếp ở vị trí thứ hai trong 6 tháng đầu năm 2024 là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt 1,9 tỷ USD, giảm 3,26% so với 6 tháng năm 2023, chiếm 18,03% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Bảng: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Nhật Bản trong tháng 6 tháng đầu năm 2024

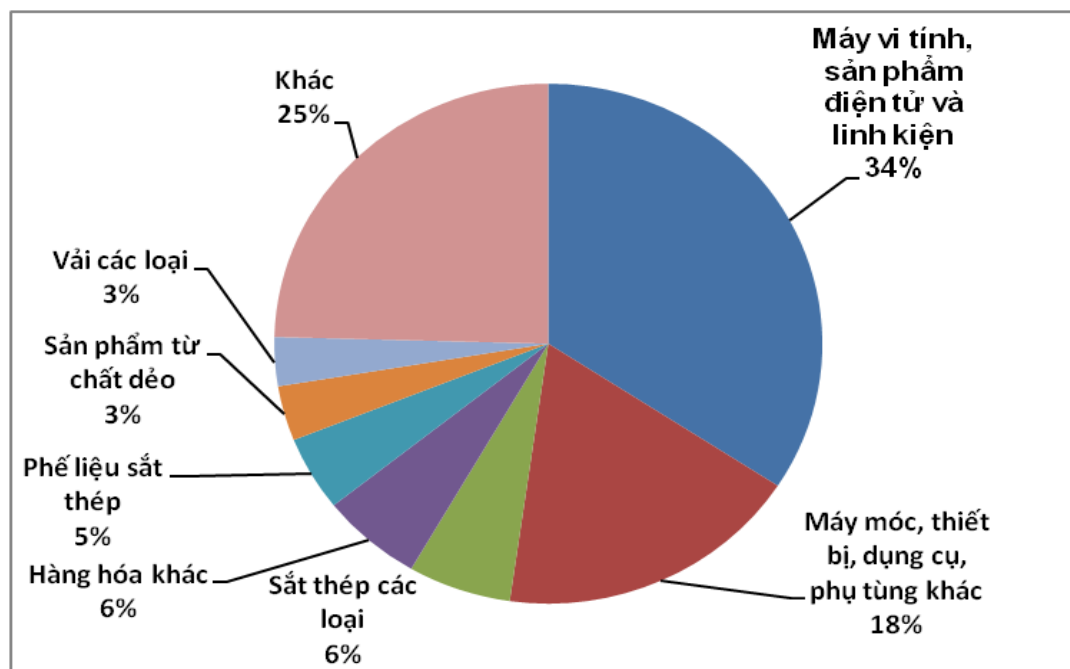
Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 6/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 5/2024 (%)	So với Tháng 6/2023 (%)	6 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 6 Tháng 2024 (%)
Tổng	1.689,29	4,7	-8,61	10.566,68	3,62	100

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 6/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 5/2024 (%)	So với Tháng 6/2023 (%)	6 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 6 Tháng 2024 (%)
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	539,36	19,95	-13,24	3616,03	14,41	34,22
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	298,46	-8,19	-15,26	1904,94	-3,26	18,03
Sắt thép các loại	102,61	-21,55	-22,96	641,82	-9,47	6,07
Hàng hóa khác	97,24	-14,79	4,76	631,81	12,69	5,98
Phế liệu sắt thép	80,93	39,02	105,05	491,11	48,09	4,65
Sản phẩm từ chất dẻo	61,44	0,7	-9,99	361,12	-2,59	3,42
Vải các loại	59,86	16,71	-0,65	321,73	-4,46	3,04
Sản phẩm hóa chất	50,66	4,66	6,57	301,36	15,98	2,85
Hóa chất	41,17	-13,83	24,35	263,65	-6,04	2,50
Linh kiện, phụ tùng ô tô	40,84	-6,96	-50,41	250,07	-21,04	2,37
Chất dẻo nguyên liệu	41,74	11,82	8,66	235,65	-3,61	2,23
Kim loại thường khác	32,90	-11,09	-12,81	219,81	-7,58	2,08
Sản phẩm từ sắt thép	33,52	18,84	-10,37	193,10	-10,05	1,83
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	23,78	4,5	10,97	133,09	4,67	1,26
Giấy các loại	21,58	0,13	-0,57	119,69	15,72	1,13
Hàng thủy sản	29,18	99,3	47,01	96,26	18,62	0,91

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 6/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 5/2024 (%)	So với Tháng 6/2023 (%)	6 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 6 Tháng 2024 (%)
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	9,94	-6,39	-18,55	85,60	23,4	0,81
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	12,45	18,88	-17,03	83,70	16,79	0,79
Cao su	15,26	-0,3	40,83	81,51	7,87	0,77
Ô tô nguyên chiếc các loại	15,02	76,19	-11,21	69,84	-31,22	0,66
Sản phẩm từ cao su	10,84	-5,64	1,65	65,68	1,45	0,62
Dây điện và dây cáp điện	12,05	16,72	5,14	63,94	-4,95	0,61
Sản phẩm từ kim loại thường khác	8,62	0,63	-13,74	51,45	-12,24	0,49
Sữa và sản phẩm sữa	6,58	143,86	79,5	28,95	15,96	0,27
Dược phẩm	7,56	61,17	16,56	28,34	3,55	0,27
Xơ, sợi dệt các loại	4,23	17,09	11,05	28,29	24,86	0,27
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4,88	19,01	9,64	27,78	6,1	0,26
Chế phẩm thực phẩm khác	4,14	26	7,01	25,76	14,98	0,24
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	3,29	-10,77	-73,82	24,74	-70,19	0,23
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	3,72	-38,17	-19,22	24,70	-3,11	0,23

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 6/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 5/2024 (%)	So với Tháng 6/2023 (%)	6 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 6 Tháng 2024 (%)
Sản phẩm từ giấy	3,46	-10,93	-16,48	21,34	-9,71	0,20
Phân bón các loại	2,33	12,07	-32,02	17,57	9,45	0,17
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	3,10	44,91	70,15	16,63	28,28	0,16
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	2,75	-4,62	48,13	14,86	9,23	0,14
Hàng điện gia dụng và linh kiện	2,00	-51,84	23,66	13,53	44,18	0,13
Quặng và khoáng sản khác	0,78	0,69	2,11	4,12	-15,06	0,04
Điện thoại các loại và linh kiện	0,42	-48,14	313,48	2,43	232,25	0,02
Gỗ và sản phẩm gỗ	0,30	-28,42	-50,93	2,22	-29,48	0,02
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	0,31	-26,22	208,92	1,50	60,2	0,01
Than các loại	0,00	-100		0,82	-97,88	0,01

Biểu đồ: Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ Nhật Bản trong 6 tháng đầu năm 2024
(% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

- Về cán cân thương mại

Tính riêng tháng 6/2024, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Nhật Bản đạt 3,6 tỷ USD, giảm 5,24% so với tháng 6/2023. Trong tháng 6/2024, Việt Nam xuất siêu sang Nhật Bản 221,39 triệu USD.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Nhật Bản đạt 21,98 tỷ USD, tăng 3,4% so với cùng kì năm 2023. Việt Nam xuất siêu sang Nhật Bản trong 6 tháng đầu năm 2024, đạt 847,45 triệu USD.

Bảng: Cán cân thương mại của Việt Nam – Nhật Bản trong tháng 06 tháng đầu năm 2024 (ĐVT: Triệu USD/%)

Hoạt động	Tháng 6/2024 (Triệu USD)	So với tháng 6/2023 (%)	6 tháng đầu năm 2024 (Triệu USD)	So với 6 tháng đầu năm 2023 (%)
Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản	1910,68	-2,05	11414,13	3,18
Việt Nam nhập khẩu từ Nhật Bản	1689,29	-8,61	10566,68	3,62
Thương mại hai chiều	3599,97	-5,24	21980,82	3,40
Cán cân thương mại	221,39	116,20	847,45	-2,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2024, tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các thị trường thuộc khối CPTPP đã có nhiều khởi sắc và đạt được những thành tựu đáng kể, bất chấp những thách thức từ tình hình kinh tế thế giới. Kim ngạch xuất khẩu sang các nước CPTPP đã tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt là ở các thị trường chủ chốt như Nhật Bản, Úc và Canada.

Một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu trong giai đoạn này là việc Việt Nam đã tận dụng hiệu quả các ưu đãi về thuế quan từ hiệp định CPTPP, giúp hàng hóa của nước ta có tính cạnh tranh cao hơn về giá cả so với các đối thủ khác trên thị trường quốc tế. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như dệt may, nông sản, và điện tử đã ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, trong đó, ngành dệt may tiếp tục duy trì vị thế là ngành xuất khẩu chủ lực. Riêng đối với nông sản, cà phê, hạt điều và các loại trái cây nhiệt đới như xoài và thanh long đã trở thành những sản phẩm nổi bật, được người tiêu dùng tại các quốc gia CPTPP ưa chuộng.

Tuy nhiên, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các nước CPTPP cũng đang phải đối mặt với một số thách thức. Các vấn đề như biến động tỷ giá, yêu cầu

khất khe về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, cũng như cạnh tranh gay gắt từ các quốc gia khác trong khối là những trở ngại không nhỏ. Để duy trì và thúc đẩy hơn nữa đà tăng trưởng xuất khẩu, các doanh nghiệp cần tiếp tục đổi mới, cải tiến sản xuất và nắm bắt tốt các cơ hội từ việc thực thi hiệp định CPTPP.

Nhìn chung, trong nửa đầu năm 2024, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các thị trường CPTPP đã đạt được những bước tiến đáng kể, khẳng định vai trò quan trọng của hiệp định này trong việc thúc đẩy thương mại và tăng trưởng kinh tế của đất nước. Với các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ và sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, triển vọng xuất khẩu trong những tháng cuối năm được dự báo sẽ tiếp tục khả quan, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam.

Bảng: Tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản so với toàn khối CPTPP

(ĐVT: Nghìn USD/%)

Tên thị trường	Tháng 6/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 5/2024 (%)	So với Tháng 6/2023 (%)	6 Tháng 2024 (Triệu USD)	Trị giá cộng dồn so với cùng kỳ năm trước (%)	Thị phần
Toàn khối CPTPP	4413,53	-2,53	4,75	26648,57	11,01	100
Nhật Bản	1910,68	3,24	-2,05	11414,13	3,18	42,83
Australia	571,23	-8,22	23,89	3147,437	28,78	11,81
Canada	522,62	3,59	4,77	3051,946	11,75	11,45
Mexico	405,21	-4,82	3,68	2640,915	22,22	9,91
Malaysia	457,45	-5,36	21,89	2616,198	6,06	9,82
Singapore	403,54	-16,5	5,16	2494,378	23,87	9,36
Chile	60,33	-19,01	-3,48	676,5047	19,94	2,54

Tên thị trường	Tháng 6/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 5/2024 (%)	So với Tháng 6/2023 (%)	6 Tháng 2024 (Triệu USD)	Trị giá cộng dồn so với cùng kỳ năm trước (%)	Thị phần
New Zealand	52,49	7,49	12,02	329,4303	4,91	1,24
Pê Ru	28,64	-16,54	-33,2	217,6761	-9,39	0,82
Brunây	1,33	113,14	58,03	59,95513	498,39	0,22

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Dự báo:

Triển vọng và dự báo xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang thị trường Nhật Bản trong thời gian tới đang được đánh giá rất tích cực, nhờ vào các yếu tố thuận lợi từ hiệp định thương mại, mối quan hệ hợp tác song phương ngày càng bền chặt, và sự nỗ lực của doanh nghiệp Việt Nam trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang trải qua nhiều biến động, Nhật Bản vẫn là một trong những thị trường ổn định và tiềm năng nhất cho hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam. Sự hội nhập kinh tế sâu rộng thông qua Hiệp định CPTPP đã mang lại nhiều ưu đãi thuế quan, giúp hàng hóa Việt Nam có lợi thế cạnh tranh đáng kể trên thị trường này.

Các ngành hàng xuất khẩu chủ lực như dệt may, nông sản, và thủy sản của Việt Nam đã ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào nhu cầu tiêu thụ ổn định từ thị trường Nhật Bản. Nhật Bản là một trong những nước nhập khẩu nhiều nhất các sản phẩm dệt may từ Việt Nam, và dự báo nhu cầu này sẽ tiếp tục gia tăng do xu hướng tiêu dùng bền vững và thời trang nhanh đang thịnh hành. Các doanh nghiệp Việt Nam đã không ngừng đầu tư vào công nghệ sản xuất hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng và môi trường, từ đó mở rộng thị phần tại Nhật Bản.

Việc tận dụng các ưu đãi từ hiệp định CPTPP đã giúp giảm thiểu đáng kể các rào cản thuế quan, mở rộng cửa cho hàng hóa Việt Nam thâm nhập vào thị trường Nhật Bản một cách thuận lợi. Cùng với đó, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP) cũng đã góp phần thúc đẩy trao đổi thương mại song phương, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tiếp cận thị trường Nhật Bản với mức thuế ưu đãi và thủ tục hải quan đơn giản hóa. Các thỏa thuận này không chỉ giúp tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu mà còn mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội, xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Nhật Bản cũng đối mặt với không ít thách thức. Các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm của Nhật Bản luôn được duy trì ở mức cao, đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam phải liên tục cải tiến quy trình sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Sự cạnh tranh gay gắt từ các quốc gia khác trong khu vực cũng đặt ra yêu cầu cho Việt Nam phải đổi mới và sáng tạo không ngừng. Đồng thời, biến động của tỷ giá và các rào cản kỹ thuật cũng có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa.

Dự báo từ nay đến cuối năm 2024, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Nhật Bản không chỉ dừng lại ở việc duy trì đà tăng trưởng mà còn mở ra nhiều cơ hội mới từ việc phát triển các lĩnh vực có tiềm năng cao. Cùng với đó, việc cải tiến chuỗi cung ứng, áp dụng công nghệ cao và nâng cao chất lượng sản phẩm sẽ là chìa khóa giúp Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế của mình trên thị trường Nhật Bản. Các doanh nghiệp cần tiếp tục nỗ lực cải thiện chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt từ thị trường Nhật Bản và đẩy mạnh chiến lược quảng bá thương hiệu để tận dụng tối đa các cơ hội từ hiệp định thương mại và mối quan hệ đối tác bền chặt giữa hai quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế sâu rộng, xuất khẩu hàng hóa sang Nhật Bản không chỉ là cơ hội mở rộng thị

trường mà còn là động lực thúc đẩy phát triển bền vững cho nền kinh tế Việt Nam. Với các chính sách ưu đãi và sự quan tâm đặc biệt từ Chính phủ, cùng với khả năng thích ứng nhanh chóng của các doanh nghiệp, triển vọng xuất khẩu sang Nhật Bản từ nay đến cuối năm 2024 sẽ tiếp tục khởi sắc, góp phần vào sự phát triển kinh tế toàn diện của Việt Nam.